

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUẬN THẢO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/BCTN

Phú Yên, ngày 18 tháng 4 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO
Năm báo cáo: Năm 2012**

*(Thực hiện theo Phụ lục số II, ban hành kèm theo
Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**
- Tên giao dịch tiếng Anh : Thuan Thao Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400123162
- Vốn điều lệ : 435.030.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 435.030.000.000 đồng
- Địa chỉ : Số 03 Hải Dương - Tp Tuy Hòa - Phú Yên - Việt Nam
- Số điện thoại : (84-57) 3 824 229
- Số Fax : (84-57) 3 823 466
- Website : www.thuanthao.com.vn
- Mã cổ phiếu : GTT
- Logo Công ty :



2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo tiền thân là Doanh nghiệp Vận tải và Thương mại Thuận Thảo được thành lập vào năm 1997.
- Ngày 05/10/2007 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo.
- Ngày 28/12/2009 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo.
- Ngày 30/6/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phần trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.



Những sự kiện quan trọng

➤ 1985 –1996

- Tổng đại lý phân phối hàng hóa của hơn 20 Công ty trong nước và Công ty liên doanh với nước ngoài tại địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh lân cận.

➤ 1997

- Thành lập Doanh nghiệp tư nhân với tên gọi: Doanh nghiệp Vận tải và Thương mại Thuận Thảo, kinh doanh trên hai lĩnh vực chính là: Vận tải và Thương mại.

➤ 1998

- Xây dựng và đưa vào kinh doanh Thương xá Thuận Thảo

➤ 2000

- Đầu tư nâng cấp Thương xá Thuận Thảo thành Siêu thị Thuận Thanh- Siêu thị tư nhân đầu tiên tại tỉnh Phú Yên.

➤ 2001

- Mở thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Vận tải hành khách Chất lượng cao.

➤ 2002

- Mở các chi nhánh kinh doanh tại tỉnh Bình Định và TP.HCM.

➤ 2003

- Thành lập Bến xe khách tư nhân đầu tiên tại Việt Nam với diện tích 1.800m².

➤ 2004

- Xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất nước uống tinh khiết SUGA.
- Đầu tư xây dựng Trung tâm Giải trí và Sinh thái Thuận Thảo.
- Xây dựng Tổng kho hàng hóa Thuận Thảo

➤ 2005 và 2006

- Tiếp tục đầu tư mở rộng Trung tâm Giải trí và Sinh thái Thuận Thảo diện tích hơn 30 ha
- Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba cho tập thể và cá nhân bà Võ Thị Thanh.

➤ 2007

- Đầu tư xây dựng và khánh thành công trình Trung tâm Hội nghị-Triển lãm và Dịch vụ du lịch Thuận Thảo
- Chuyển đổi thành Công ty TNHH với tên gọi: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo.
- Xây dựng mới Siêu thị Thuận Thanh rộng 2000m², khang trang, hiện đại.

➤ 2008

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Giai đoạn 1 của khu Resort & Spa Golden Beach.



- Xây dựng và đưa vào hoạt động khu vui chơi, giải trí và dịch vụ Thuận Thảo Land.

➤ **2009**

- Khánh thành khách sạn 5 sao CenDeluxe đầu tiên và duy nhất hiện nay tại Phú Yên.
- Đầu tư xây dựng nhà hát Sao Mai có sức chứa 3.500 chỗ ngồi.
- Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo.

➤ **2010**

- Chứng khoán GTT chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP.HCM (Hose).
- Bắt đầu triển khai thực hiện dự án đưa 25 xe giường nằm thế hệ mới nhất của hãng Hyundai vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 62,5 tỷ đồng.
- Triển khai xây dựng dự án Nhà nuôi chim yến với diện tích xây dựng 1.080m².
- Tăng vốn Điều lệ của Công ty lên 435.030.000.000 đồng.
- Công ty đã ký biên bản ghi nhớ với Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên về Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu diện tích 100ha với tổng mức đầu tư ước tính khoảng 200 tỉ đồng.

➤ **2011**

- Công ty tiếp tục thực việc đổi mới phương tiện với việc đầu tư thay thế và đưa vào hoạt động 30 xe taxi Kia New Carens 2.0 phiên bản 2011 với tổng vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng.
- Mở rộng dịch vụ vui chơi giải trí tại Trung tâm Hội nghị và Sinh thái Thuận Thảo
- Đầu tư mới 2 xe tải Hino15 tấn với tổng vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng.
- Triển khai đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Đá Bàn tại thôn Cẩm Tú, xã Hòa Kiến, Tp Tuy Hòa diện tích 20 hecta với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng.

➤ **2012**

- Tiếp tục đầu tư mới 2 xe tải Hino 15 tấn và 02 xe tải nhỏ 1,4 tấn với tổng vốn đầu tư 4,3 tỷ đồng
- Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các trang thiết bị, nhà cửa tại Trung tâm Hội nghị và Sinh thái Thuận Thảo với vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng.
- Đầu tư mới các dịch vụ vui chơi giải trí tại Trung tâm Hội nghị và Sinh thái Thuận Thảo với tổng vốn đầu tư trên 3,3 tỷ đồng
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống sản xuất đá tinh khiết và thay thế dây chuyền sản xuất nước tinh khiết Suga với tổng giá trị đầu tư trên 500 triệu đồng.
- Ký Hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cửu với mục tiêu Tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty, tổng giá trị Hợp đồng 1,6 tỷ đồng.



Thành tích Công ty

- Năm 2005: Được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 2006: được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Giải thưởng Sao vàng Đất Việt.
- Năm 2007: Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền Trung; Cúp vàng Thương-Hiệu nhãn.
- Năm 2008: Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ; Giải thưởng Sao vàng Đất Việt; Giải thưởng Sao Vàng khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền trung (lần hai); Cúp Vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”; Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT).
- Năm 2009: Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”; Kỷ niệm chương cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu”.
- Năm 2010: Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Bằng khen của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.
- Năm 2011: Danh hiệu: Doanh nghiệp Tín nhiệm, Danh hiệu: Dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Giấy khen của Hội Doanh nghiệp trẻ Phú Yên; Giải thưởng kiến trúc Quốc gia cho Khách sạn 5 sao CenDeluxe; Giải thưởng quốc tế International Quality Crown Award. Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011.
- Năm 2012: Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Bằng khen của Hội doanh nhân trẻ tỉnh Phú Yên; Giấy chứng nhận cơ quan văn hóa; Bằng khen của Công an Tỉnh Phú Yên; Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Phú Yên

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải: Vận tải hành khách chất lượng cao, Taxi, Vận tải hàng hóa.
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, nhà hàng, tổ chức sự kiện.
- Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản.

3.2. **Địa bàn kinh doanh:** Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên) tại 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

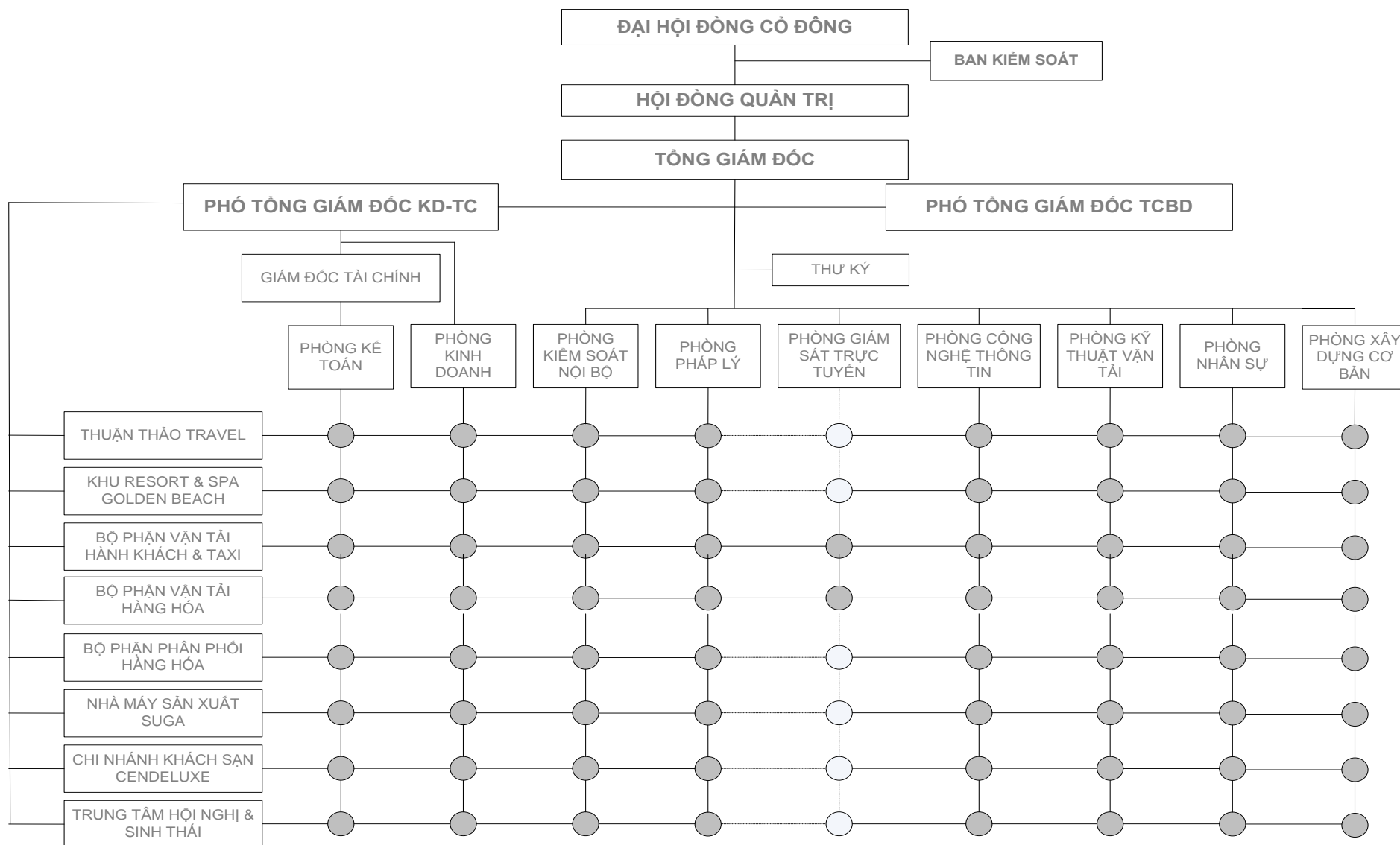


Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:





Các Công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Với phương châm kinh doanh đa ngành nghề, luôn đi trước đón đầu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào kế hoạch kinh doanh, luôn giữ chữ tín với khách hàng và các đối tác, lấy chất lượng sản phẩm làm mục tiêu phấn đấu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Nên định hướng phát triển Công ty từ nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ theo mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, có thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế, tiếp tục đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng phát triển một cách bền vững, tập trung đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực như Vận tải, Khách sạn, Kinh doanh dịch vụ ăn uống, và vui chơi giải trí.

– Khách hàng mục tiêu:

Cho mảng dịch vụ: Là các tổ chức, các gia đình, đây là đối tượng khách hàng chính mà Công ty nhắm đến. Các tổ chức, các gia đình là phân khúc thị trường lớn có thu nhập ổn định, bền vững, có sức tiêu dùng cao, khả năng tạo doanh thu lớn.

Cho mảng bất động sản: các hộ gia đình.

– Sản phẩm dịch vụ chính:

Thế mạnh của các lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty:

Dịch vụ lưu trú: Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng cao cấp,

Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng, Khu vui chơi giải trí, tiệc cưới.

Dịch vụ vận tải: Vận tải hành khách, taxi và vận tải hàng hóa.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tập trung đầu tư, phát triển chiều sâu các lĩnh vực:

- Khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng Resort & Spa Gloden
- Chuyên nghiệp, hiện đại dịch vụ tổ chức tiệc cưới, và các loại tiệc khác.
- Chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng.
- Phương tiện vận tải hành khách luôn luôn được thay thế đổi mới, mỗi một thế hệ xe mới không dùng quá 5 năm, đồng thời thiết lập, trang bị các tiện ích phục vụ tối ưu cho hành khách như bán vé, thanh toán qua mạng, các thiết bị giám sát hành trình ...
- Khách sạn tập trung vào vào khúc thị trường du lịch MICE, phấn đấu trong hai, ba năm tới Cendeluxe trở thành địa chỉ đầy uy tín của khúc thị trường này.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống KPIs để đánh giá thực hiện công việc của các bộ phận, phòng ban và tất cả nhân viên.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;



- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động.
- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Công đoàn của Công ty.
- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

6. Các rủi ro:

6.1. Quản lý rủi ro vốn:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

6.2. Các chính sách kế toán chủ yếu:

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính..

6.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá, và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

6.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất:

- *Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý của các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.
- *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa.

6.3.2. Quản lý rủi ro tín dụng:

- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

6.3.3. Quản lý rủi ro thanh khoản:

- Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.4. Rủi ro về nguồn nhân lực:



- Việc tuyển dụng lao động phổ thông, nhất là tại khu vực nội thành ngày càng khó khăn, do chi phí lao động có xu hướng tăng.
- Chi phí lao động có xu hướng tăng trong các năm qua làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực nói chung.

6.5. *Rủi ro về thị trường và sản phẩm:*

- Nhìn chung, năm 2013 các tín hiệu từ thị trường có dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2012. Chính phủ đã kiểm soát tốt chỉ số giá tiêu dùng (CPI).
- Để đạt được kết quả hoạt động trong năm 2013 tốt hơn năm 2012, cũng như để tạo ra lợi nhuận tốt hơn, Công ty phải đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ theo thị hiếu khách hàng, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ - phục vụ của các dịch vụ vận tải, nhà hàng ăn uống, tổ chức lễ tiệc, hội nghị, vui chơi, giải trí tại Trung tâm vui chơi, giải trí Thuận Thảo; đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường xanh tươi; bổ sung thêm các loại hình vui chơi mới hấp dẫn và hiện đại v.v., để đưa khu vui chơi - giải trí Thuận Thảo trở thành một công viên vui chơi - giải trí có quy mô và chất lượng ngang tầm với các cơ sở kinh doanh du lịch - giải trí lớn của cả nước.

II. **Tình hình hoạt động trong năm 2012**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

1.1. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

Trong năm 2012, doanh thu thuần đạt được 525.991.456.990 VNĐ tăng 1,69% so với năm 2011, lợi nhuận đạt được 1.160.740.283 VNĐ tăng 3,52% so với năm 2011.

1.2. *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

1.2.1 Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2012

- Doanh thu thuần: 525.991.456.990 VNĐ đạt 87,73 % so với kế hoạch năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế: 1.160.740.283 VNĐ đạt 1,32% so với kế hoạch 2012

Kết quả thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2012

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012 (VNĐ)	Kế hoạch năm 2012 (VNĐ)	Thực tế so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.991.456.990	602.550.000.000	87,73%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	1.160.740.283	87.800.000.000	1,32%

1.2.2. Tình hình thực hiện 2012 so với thực hiện năm 2011

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2011	So sánh thực tế 2012/2011



1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.991.456.990	517.242.533.289	101,69%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.832.885.717	(1.501.225.940)	521,77%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	11.450.855.010	2.364.871.363	484,21%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	1.160.740.283	1.121.318.370	103,52%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2012 vượt năm trước 1,69%; lợi nhuận sau thuế TNDN vượt năm trước 3,52%.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

a. Tổng Giám đốc

Họ và tên : **VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/02/1976

Nơi sinh : An Thạch, Tuy An, Phú Yên

CMND/Hộ chiếu : 220935361 Ngày cấp: 12/7/2010 tại Công an Phú Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 10113W Preston Lane Tolleson, AZ 85353 U.S.A

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác : Từ năm 2000 đến 2008: Sống và làm việc tại Mỹ. Hiện nay đang làm việc tại Công ty CP Thuận Thảo

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 870.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ



b. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **VÕ THANH MINH HẰNG**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 16/02/1977

Nơi sinh : An Thạch, Tuy An, Phú Yên

CMND/Hộ chiếu : 220985216 Ngày cấp: 30/10/2002 tại Công an Phú Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học – Phường 5 – TP.Tuy Hòa – Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác : Từ năm 1998 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 435.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

c. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **HUỲNH SỸ CHIẾN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/04/1974

Nơi sinh : Tuy An, Phú Yên

CMND/Hộ chiếu : 221112947

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Tổ 11 – KP 3 - Phường 2 – TP.Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác : Từ năm 2000 đến nay: làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 18.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.04% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

d. Kế toán trưởng

Họ và tên : NGUYỄN VĂN NHƯ'
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11/06/1978
 Nơi sinh : Hòa Thắng – Phú Hòa – Phú Yên
 CMND/Hộ chiếu : 220968834 Ngày cấp: 21/3/2011 tại Công an Phú Yên
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Thôn Mỹ Hòa – Hòa Thắng – Phú Hòa – Tỉnh Phú Yên
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
 Quá trình công tác : Từ năm 2002 đến nay làm việc tại Công ty Cổ phần Thuận Thảo
 Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2012, Công ty không có thay đổi trong ban điều hành

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng CBCNV tại thời điểm 31/12/2012: 1.333 lao động.

b. Các chính sách đối với người lao động:

- Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn – BHLĐ.
- Các chế độ phúc lợi khác.
- + Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm.
- + Tiền ăn giữa ca.
- + Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ.
- + Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm.
- + Đồng phục và BHLĐ.
- + Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng ...
- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày phụ nữ Việt Nam ...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: **Không có**

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: **Không có**



4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.401.174.372.723	1.556.913.738.428	111,11%
Doanh thu thuần	517.242.533.289	525.991.456.990	101,69%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.501.225.940)	7.832.885.717	521,77%
Lợi nhuận khác	3.866.097.303	3.617.969.293	93,58%
Lợi nhuận trước thuế	2.364.871.363	11.450.855.010	484,21%
Lợi nhuận sau thuế	1.121.318.370	1.160.740.283	103,52%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26	27	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,72	1,27	
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,005	1,25	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	68,02%	71,14%	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	212,65%	246,53%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			



- Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	47,08	50,48	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,37	0,34	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,22%	0,22%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,25%	0,26%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08%	0,07%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0,29%	1,49%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Stt	Cổ phiếu	2012	2011
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	43.503.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
	2.1. Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
	2.2. Cổ phiếu ưu đãi	0	0
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
	3.1. Cổ phiếu lưu hành tự do	43.503.000	43.503.000
	3.2. Cổ phiếu hạn chế theo quy định	0	0
4	Số lượng cổ phiếu giao dịch nước ngoài hoặc bảo trợ phát hành niêm yết tại nước ngoài	0	0

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20/03/2013 để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2013, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:



TT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	100%
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên, trong đó:	15.093.000	34,69%
2.1	Trong nước	15.093.000	34,69%
2.2	Nước ngoài	0	0%
3	Cổ đông nhà nước	0	0%
4	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% tổng số cổ phần	244.532.400.000	56,21%
5	Cổ đông sở hữu nhỏ hơn 1% tổng số cổ phần	39.567.600.000	9,1%
5.1	Trong nước	34.742.950.000	7,99%
5.2	Nước ngoài	4.824.650.000	1,11%
6	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%), trong đó:	354.884	0,82%
6.1	Trong nước	34	0%
6.2	Nước ngoài	354.850	0,82%
7	Cổ đông cá nhân, trong đó:	28.055.116	64,49%
7.1	Trong nước	27.927.501	64,20%
7.2	Nước ngoài	127.615	0,29%
8	Công đoàn Công ty	0	0%
9	Cổ phiếu quỹ	0	0%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2012, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2012, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không phát hành các loại chứng khoán khác

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



1.1. Phân tích tổng quan

- Năm 2012, bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn, diễn biến phức tạp là một bất lợi cho Công ty, nhưng bằng sự quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty với định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Công ty trong chiến lược cạnh tranh giá và dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt đã vượt qua được khó khăn mặc dù không đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đề ra.
- Trong năm 2012 Công ty đã phát triển các dịch vụ mới đã đưa vào khai thác kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ hiện hữu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đã mang lại hiệu quả cao.
- Ngoài ra trong năm 2012 Công ty bắt đầu thực hiện việc tái cấu trúc trong toàn Công ty đã sắp xếp lại bộ máy hợp lý, đã cải tiến, cắt giảm, tiết kiệm các chi phí không hợp lý... cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh của Công ty.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn doanh nghiệp thông qua các biện pháp kiểm soát về tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì, bảo hành, chi phí giá thành đã đặt ra từ đầu năm mang lại nhiều kết quả rất khả quan. Hàng năm, Công ty đều tiến hành lập, giao và đánh giá kế hoạch ngân sách đến từng bộ phận, phòng ban định kỳ hàng tháng.
- Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của doanh nghiệp được ổn định và phát triển hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 và tạo tiền đề cho năm 2013.
- Việc tổ chức khoán doanh thu, chi phí cho từng bộ phận và xây dựng bộ tiêu chí công việc cho tất cả các vị trí nên bước đầu đã mang lại những hiệu quả tích cực: người lao động trở nên hăng hái và tích cực hơn trong công việc, công tác chăm sóc quan tâm đến khách hàng tốt hơn, chi phí được quản lý tốt hơn. Các khoản chi thường xuyên như: điện nước, văn phòng phẩm, điện thoại, hàng hư hỏng bề vờ giảm đáng kể.
- Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho. Tăng cường công tác thu hồi nợ, nhằm giảm nợ tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.
- Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả tối đa có thể cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Công ty.
- Công ty đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách phúc lợi, đảm bảo thu nhập và giữ chân được người lao động. Trong năm, Công ty cũng không xảy ra các tranh chấp lao động hay đình công.
- Công ty đã duy trì và tăng cường các hoạt động trách nhiệm xã hội đối với người lao động nói riêng và cộng đồng nói chung.
- Công ty đã tuyển dụng và đào tạo được lực lượng kế thừa cho kế hoạch phát triển trong tương lai.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2011
1. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản			



- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	32,44	20,43
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	67,55	79,57
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	71,14	68,02
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28,86	31,98

2.2. Tình hình nợ phải trả

2.2.1. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	85.062.801.746	112.295.755.830	112.382.132.121	84.976.425.455
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	71.982.730.823	58.100.753.532	70.083.484.395	59.999.999.960
- Vay cá nhân	3.130.479.588	3.166.623.094	2.752.103.164	3.544.999.518
Cộng	160.176.012.157	173.563.132.456	185.217.719.680	148.521.424.933

VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	504.097.734.507	39.500.000.000	-	543.597.734.507
- Vay ngân hàng Công Thương	700.000.000	-	700.000.000	-
- Vay ngân hàng VP Bank	1.513.000.000	-	356.000.000	1.157.000.000
- Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	39.500.000.000	-	39.500.000.000	-
- Nợ thuê tài chính	58.620.219.657	-	14.233.380.903	44.386.838.754
- Vay cá nhân	45.343.460.321	52.782.635.000	2.000.000.000	96.126.095.321
Cộng	649.774.414.485	92.282.635.000	56.789.380.903	685.267.668.582

2.2.2. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

- Tình hình nợ phải trả xấu: Công ty không có nợ phải trả xấu trong năm
- Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về chênh lệch lãi vay.



Quản lý rủi ro lãi suất:

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tổ chức

– Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, Công ty tiếp tục nâng cao công tác quản trị nhân sự thông qua các hình thức đào tạo và tuyển dụng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động cải tiến liên tục và sắp xếp lại nguồn nhân lực cho phù hợp. Đồng thời, tổ chức cải tổ và nâng cao chức năng của phòng Kiểm soát nội bộ, nhằm tăng cường công tác kiểm tra giám sát và phân tích các hoạt động kinh doanh để tham mưu kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Công tác quản lý

– Duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.

– Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về qui trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua qui trình quản lý của hệ thống ISO 9001: 2008. Tiếp tục đánh giá, soát xét Bộ hồ sơ giao việc từ cấu trúc, mục tiêu, quy trình, quy định & hướng dẫn công việc cho đến các tiêu chí đánh giá năng lực và thành tích cho từng nhân viên.

– Ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn để tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho các Giám đốc bộ phận, quản lý nhằm đảm bảo khả năng quản lý, lập kế hoạch và triển khai các chương trình mới.

– Tăng cường phân quyền cho các Giám đốc bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bước sang năm 2013, tuy tình hình Phú Yên có những khởi sắc có những thông tin thuận lợi về môi trường đầu tư, kinh doanh nhưng bức tranh kinh tế toàn cầu vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục. Trong nước, nguy cơ bất ổn và lạm phát vẫn tiềm tàng do các cơ sở cho khôi phục ổn định và tăng trưởng còn yếu; vấn đề nợ xấu tại ngân hàng và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế thấp; giá cả một số mặt hàng chiến lược như xăng, dầu, điện, nước tiếp tục tăng kéo theo giá cả khác tăng theo. Chất lượng cuộc sống của đa số người dân vẫn chưa được cải thiện đáng kể đã ảnh hưởng ít nhiều đến kế hoạch của Công ty trong những năm sắp tới.

Giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển thông qua:

4.1. Giải pháp

- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị của cán bộ quản lý bằng thông qua việc tăng cường kiểm soát và các tiêu chí cụ thể. Mỗi cấp quản lý phải có đầy đủ hồ sơ hoạch định và giao việc cho từng tháng, quý, năm đến từng cá nhân trong bộ phận cũng như đến bộ phận liên quan. Chú trọng công tác giao việc và kiểm tra đánh giá kết quả hoàn thành công việc. Tổ chức thu thập, phân tích, báo cáo dữ liệu hàng ngày, từ đó xác định được hiện trạng, nguyên nhân gốc rễ những điểm chưa thành công, tập hợp các cơ hội đã nhận dạng được để xây dựng mục tiêu và chương trình hành động cải tiến kỳ tới.



- Tiếp tục áp dụng hệ thống lương khoán, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên.
- Nâng cao hiệu quả công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị, tiêu chuẩn hóa quy trình vận hành thiết bị đổi mới, đầu tư nâng cấp thiết bị hiện có để đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- Duy trì và phát triển thị phần trong nhóm khách hàng cũ trên cơ sở phân tích bán hàng và dịch vụ khách hàng năm 2012.
- Phát triển khách hàng mới trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, khách hàng chiến lược mới, phân tích nội bộ... nhằm xây dựng chiến lược, chính sách cạnh tranh trong ngắn và dài hạn.
- Khuyến khích tăng cao việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ nội bộ của nhân viên.

Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc cấp phát chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận.

4.2. Mục tiêu năm 2013

- Doanh số : 604.900.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 65.625.000.000 đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 tình hình kinh tế thế giới biến động không ngừng, dẫn đến nhiều khó khăn cho thị trường; sự biến động phức tạp đột biến về giá của nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa đầu vào. Thêm vào đó, nền kinh tế Việt nam cũng có rất nhiều khó khăn mà các doanh nghiệp phải đối mặt như các áp lực từ lạm phát, tín dụng thắt chặt, chi phí gia tăng vv... Điều này đã tác động mạnh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động Công ty,

Kết quả thực hiện đạt:

- Doanh số: 525.991.456.990 đồng, tăng 1,69% so với năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế: 1.160.740.283 đồng, tăng 3,52% so với năm 2011.

Mặc dù tăng so với năm trước, tuy nhiên, Công ty vẫn không đạt được các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2012 đặt ra. Tuy nhiên bằng sự quyết định đúng đắn của Ban lãnh đạo trong điều hành, Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất.

Qua 1 năm hoạt động trong khủng hoảng tình hình kinh tế toàn cầu, môi trường kinh doanh không thuận lợi và bằng nhiều giải pháp đổi mới vượt qua khó khăn để tồn tại, hoạt động Công ty có những điểm nổi bật như sau:

1.1. Sản xuất kinh doanh:

– Bộ phận Khách sạn: Sau khi xây dựng hoàn thành, việc hợp tác với Công ty quản lý khách sạn H&K Hospitality để khai thác, quảng bá, giới thiệu hình ảnh cùng với việc đẩy mạnh công tác bán hàng của Phòng Sales Marketing Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh nên trong năm lượng khách trong nước và Quốc tế đã đến với Khách sạn tăng lên đáng kể, dự kiến trong năm 2013 Khách sạn sẽ tiếp tục mang lại hiệu quả và đạt doanh thu cao nhất từ trước đến nay.



- Bộ phận Vận tải Hành khách & Taxi: Sau khi rà soát phương tiện, giảm các tuyến không mang lại hiệu quả nên trong năm 2012 mặc dù giảm phương tiện, giảm tuyến nhưng tình hình doanh thu vẫn tăng trưởng tăng 6% so với năm trước.
- Bộ phận Resort: từ một bộ phận doanh thu rất thấp, sau khi đầu tư, cải tạo, nâng cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ nên đã mang lại hiệu quả rất cao, cụ thể doanh thu năm 2012 tăng hơn 30% so với năm trước. Cùng với việc tổ chức tốt công tác phục vụ, chăm sóc khách hàng đã làm khách hàng hài lòng nên trong năm 2013 dự kiến doanh thu sẽ tăng hơn năm 2012 là 46%.
- Bộ phận Vận tải hàng hóa: Cùng với việc mở rộng kho bãi tại TP.HCM nhằm tăng thêm năng lực vận tải, trang bị hệ thống định vị GPS cũng như đầu tư đổi mới phương tiện vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đã làm cho khách hàng hài lòng và tin tưởng. Từ những điều kiện thuận lợi này mà bộ phận Vận tải hàng hóa đã luôn luôn giữ vững ổn định doanh thu và lợi nhuận, là một bộ phận luôn đạt tiêu chí về doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra. Trong năm 2012 doanh thu tăng hơn 30% so với năm trước.

Thông qua những nét nổi bật nêu trên cũng như nhờ có những chiến lược kinh doanh hiệu quả nên đạt kết quả như sau:

1.2. Các hoạt động khác:

- Kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do Nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có liên quan.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty*

2.1. Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Hầu hết gồm những thành viên có trình độ kiến thức về quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà Công ty hoạt động, nên có tầm nhìn chiến lược trong lãnh đạo các hoạt động Công ty.
- Có quyết định đúng đắn, kịp thời trong điều hành nhằm khắc phục khó khăn của biến động thị trường, hạn chế thiệt hại cho Công ty.
- Luôn quan tâm xây dựng nguồn nhân lực mạnh cho sự phát triển Công ty bằng các chương trình đào tạo thông qua việc ký kết hợp đồng dài hạn với Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cừu; bố trí và luân chuyển cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực quản lý; tạo động lực và động viên đội ngũ nhân viên đóng góp nhiều nhất cho Công ty thông qua hệ thống đánh giá nhân viên và chính sách khen thưởng hàng năm.
- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ Công ty; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo qui định pháp luật.

2.2. Một số vấn đề cần Ban Tổng Giám đốc tập trung cải tiến trong thời gian tới:

- Nâng cao trình độ về dự báo tình hình thị trường và quản trị rủi ro tránh thiệt hại cho Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tiếp tục tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty đồng thời chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng, khách sạn, vận tải... nhằm nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh và chất lượng, hiệu quả hoạt động.
- Xúc tiến dự án của Bộ Giao thông Vận tải để Thuận Thảo trở thành trạm dừng chân đường bộ toàn quốc, mục đích gia tăng lượng khách sử dụng các dịch vụ tại Trung tâm Sinh thái,



tăng doanh thu – lợi nhuận.

- Đầu tư, nâng cấp, mở rộng các dịch vụ để khai thác lượng khách từ dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô.
- Liên kết tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia, khu vực để tạo ra những điểm nhấn, sức hấp dẫn thu hút khách du lịch đến với Phú Yên, đến với Thuận Thảo.
- Tái cơ cấu lại nguồn vốn để giảm lãi suất và giảm dư nợ vay.
- Thanh lý một số tài sản không mang lại hiệu quả để tái đầu tư mới các phương tiện vận tải.
- Tìm kiếm, xây dựng và thực hiện liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư, đối tác khách hàng để mang lại giá trị cao nhất đối với dự án Resort, Khách sạn.
- Tiếp tục chủ động hơn trong quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin được minh bạch, tạo sự tin tưởng, an tâm cho các cổ đông, nhà đầu tư.
- Tăng cường việc quản lý, theo dõi tình hình Công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin của ban điều hành để có hỗ trợ kịp thời.
- Thực hiện phân công lĩnh vực phụ trách cụ thể cho từng thành viên HĐQT, trường hợp cần thiết sẽ lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập nhằm đóng góp cho sự phát triển Công ty.
- Soát xét Quy chế quản trị nội bộ Công ty và nâng cao hiệu quả thực hiện quản trị Công ty theo qui định pháp luật hiện hành.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
1	Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT	15.093.000 cổ phần	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Thành viên độc lập
2	Võ Thanh Hoàng Chương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	870.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành
3	Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên HĐQT -Phó Tổng Giám đốc	435.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành



4	Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên HĐQT -Giám đốc tài chính	435.000 cổ phần	Không	Thành viên điều hành, Trúng cử từ tháng 5/2012
5	Lương Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000 cổ phần	Giám đốc Công ty TNHH Hưng Khánh	Thành viên độc lập

1.2. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiêu ban trực thuộc.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp.
- Năm 2012 Hội đồng quản trị có sự thay đổi thành viên, HĐQT có 4 thành viên và 1 thành viên được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012 bổ nhiệm chính thức. Trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách, 01 Phó chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm vụ Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty. 01 Giám đốc tài chính và thành viên còn lại không kiêm nhiệm chức vụ.
- HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp HĐQT và họp HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của Cổ đông và Đối tác cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty
- Các quyết định của HĐQT thông qua các Biên bản, Nghị quyết như sau:
Số lượng các cuộc họp: 13
Số lượng Nghị quyết: 13

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	36/NQ-HĐQT	18/01/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của bà Võ Thanh Minh Hằng theo đơn từ nhiệm. - Bổ nhiệm ông Võ Thanh Hoàng Chương làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo. - Bổ nhiệm bà Võ Thanh Minh Hằng làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo. - Ông Võ Thanh Hoàng Chương người đại diện trước Pháp luật của Công ty thay cho bà Võ Thanh Minh Hằng.



2	37/NQ-HĐQT	15/3/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 28/4/2012. - Ủy quyền ông Võ Thanh Hoàng Chương – P.Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty chuẩn bị các thủ tục cần thiết để Đại hội diễn ra theo đúng kế hoạch.
3	06/NQ-HĐQT	26/3/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chỉ định Ông Nguyễn Văn Như làm Trưởng ban thư ký HĐQT thay cho bà Nguyễn Thị Mỹ Vương. - Thống nhất chỉ định Bà Hồ Thị Lai làm thành viên Ban thư ký thay cho bà Lưu Thị Bích Hạnh.
4	198/NQ-ĐHĐCĐ12	28/4/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2011 và kế hoạch hoạt động năm 2012. - Thống nhất Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011 và phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2012. - Thống nhất Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2011 và kế hoạch năm 2012. - Thống nhất Thông qua Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt. - Thống nhất qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 và kế hoạch thù lao năm 2012. - Thống nhất Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2011 và kế hoạch hoạt động năm 2012 của Ban kiểm soát. - Thống nhất Nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (VIETLAND) với mức phí phù hợp để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012. - Thống nhất Thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 435.030 triệu đồng lên 650.000 triệu đồng. - Thống nhất Miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
5	04/NQ-HĐQT	28/4/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất quy định mức thù lao của các thành viên HĐQT trong các năm còn lại của nhiệm kỳ 2010-2014.
6	05/NQ-HĐQT	28/4/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất quy định mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát trong các năm còn lại của nhiệm kỳ 2010-2014.
7	08/NQ-HĐQT	22/6/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua việc vay vốn dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Tài. - Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện, ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp, các chứng từ vay vốn và thế chấp phát sinh có liên quan đến hồ sơ vay.



8	10/NQ-HĐQT	01/07/2012	- Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức lương mới của Ông Nguyễn Văn Như – Kế toán Trưởng Công ty kể từ ngày 01/07/2012.
9	11/NQ-HĐQT	19/9/2012	- Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn từ ngày 01/10/2012 đến ngày 01/10/2013 do Ông Võ Thanh Hoàng Chương trình bày. - Thống nhất việc vay vốn dài hạn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Tài - Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện, ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp, các chứng từ vay vốn và thế chấp phát sinh có liên quan đến hồ sơ vay.
10	12/NQ-HĐQT	10/10/2012	- Thống nhất thông qua việc bổ sung tài sản thế chấp cho Ngân hàng Cổ phần thương mại Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên là 04 chiếc xe ô tô tải hiệu HINO. - Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện, ký kết hợp đồng vay vốn, hợp đồng thế chấp, các chứng từ vay vốn và thế chấp phát sinh có liên quan đến hồ sơ vay.
11	13/NQ-HĐQT	19/11/2012	- Thống nhất thông qua việc Công ty Cổ phần Thuận Thảo dùng tài sản thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng Cổ phần thương mại Công thương Việt Nam – CN Phú Yên.
12	14/NQ-HĐQT	26/11/2012	- Thống nhất việc vay vốn tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Tài.
13	15/NQ-HĐQT	31/12/2012	- Thống nhất ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia hoạt động HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: **Không có**
- Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm do Ủy ban chứng khoán, Sở GD&ĐT TP.HCM phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức: **Không có**

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:



STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Ân	Trưởng Ban KS	18.750 cổ phần	Thành viên độc lập
2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên	300 cổ phần	
3	Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên	0 cổ phần	Trúng cử từ tháng 5/2012

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 28 tháng 4 năm 2012 đã bầu bổ sung 1 nhân sự vào Ban kiểm soát. Như vậy trong năm 2012 nhân sự ban kiểm soát là 3 người.

Ban kiểm soát đã họp và phân công như sau :

- Ông: Nguyễn Hữu Ân, Trưởng ban phụ trách chung.
- Bà : Nguyễn Thị Lệ Quyên, thành viên, phụ trách, kiểm tra giám sát tài chính.
- Bà: Phan Thị Bảo Trâm, thành viên, phụ trách giám sát việc tuân thủ pháp luật, qui chế, qui định, điều lệ qui trình tác nghiệp, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

b) Hoạt động của ban kiểm soát:

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Ân	Trưởng Ban KS	18.750 cổ phần	Thành viên độc lập
2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên	300 cổ phần	
3	Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên	0 cổ phần	Trúng cử từ tháng 4/2012

Cô Phan Thị Bảo Trâm được bầu bổ sung vào Ban kiểm soát tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 28 tháng 4 năm 2012.



2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp phân công nhiệm vụ và bàn các công việc liên quan đến việc giám sát tình hình hoạt động của Công ty:

- Lần thứ 1 vào ngày 03 tháng 5 năm 2012
 - Nội dung: Phân công Ban kiểm soát:
 - + Ông: Nguyễn Hữu Ân, Trưởng ban phụ trách chung, và giám sát hoạt động của HĐQT và ban Tổng giám đốc;
 - + Bà: Nguyễn Thị Lệ Quyên, thành viên, phụ trách, kiểm tra giám sát tài chính;
 - + Bà: Phan Thị Bảo Trâm, thành viên, phụ trách giám sát việc tuân thủ pháp luật, qui chế, qui định, điều lệ qui trình tác nghiệp, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.
 - Thông qua kế hoạch hoạt động của BKS năm 2012. Kết quả thống nhất thông qua kế hoạch: 03/03 thành viên.
- Lần thứ 2 ngày 20/7/2012:
 - Nội dung: kiểm tra số liệu kế toán 6 tháng đầu năm 2012.
 - Tham dự 03/03 thành viên BKS và có Kế toán trưởng Công ty tham dự và giải trình số liệu, và giải đáp thắc mắc của thành viên BKS nêu ra.
 - Kết quả cuộc họp tốt, BKS có phân tích các yếu tố làm giảm lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2012. Và có văn bản kiến nghị với HĐQT.
- Lần thứ 3 ngày 20/12/2012:
 - Nội dung: kiểm tra số liệu kế toán 11 tháng, ước tình hình thực hiện 12 tháng năm 2012 theo số liệu của kế toán báo cáo trong phiên họp HĐQT ngày 26/11/2012.
 - Tham dự 03/03 thành viên
 - Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề nên ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty, qua phân tích số liệu, BKS thống nhất với kết quả SXKD 11 tháng và doanh thu thực hiện dự kiến cả năm 2012 là: 520 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến cả năm 2012 là: 01 tỷ đồng.

Về Công tác giám sát:

Trong năm 2012, Trưởng BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT và BKS tham gia đầy đủ các phiên họp giao ban hằng tuần, tháng của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm qua Ban kiểm soát không thấy có điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý và điều hành mọi hoạt động trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. HĐQT:



Stt	Họ tên	Thù lao	Ghi chú
1	Võ Thị Thanh	162.000.000	
2	Võ Thanh Hoàng Chương	48.000.000	
3	Võ Thanh Minh Hằng	30.000.000	
4	Lương Ngọc Khánh	30.000.000	
5	Đặng Thị Nguyệt Thương	20.000.000	Trúng cử từ tháng 5/2012
	Cộng	290.000.000	

3.1.2. Ban Kiểm soát:

Stt	Họ tên	Thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Ân	31.200.000	
2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	7.581.000	
3	Phan Thị Bảo Trâm	4.800.000	Trúng cử từ tháng 5/2012
	Cộng	43.581.000	

3.1.3. Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ tên	Lương	Thưởng	Cộng
1	Võ Thanh Hoàng Chương	725.724.000	30.000.000	755.724.000
2	Võ Thanh Minh Hằng	423.853.000	30.000.000	453.853.000
3	Huỳnh Sỹ Chiến	178.016.000	20.000.000	198.016.000
4	Nguyễn Văn Như	82.035.000	10.000.000	92.035.000
	Cộng	1.409.628.000	90.000.000	1.499.628.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người liên quan: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Năm 2012 Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, tuy nhiên để tăng



cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty, Công ty có kế hoạch như sau:

- Tăng cường việc liên lạc định kỳ/không định kỳ với cổ đông lớn của Công ty.
- Tăng cường chế độ thông tin tình hình Công ty cho thành viên HĐQT độc lập, Ban Kiểm soát.
- Thường xuyên cập nhật các qui định pháp luật về quản trị Công ty.
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán:

Được tách riêng như phụ lục kèm theo báo cáo này.

2.2. Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán:

Đã được đăng tải trên website Công ty theo địa chỉ: www.thuanthao.com.vn

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tỉnh Phú Yên, tháng 03 năm 2013



1.1 CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	2	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5	
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 28	



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vận Tải & Thương Mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123162 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 06 tháng 02 năm 2013 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và địa điểm kinh doanh.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **DANH sách Cổ đông sáng lập:**

Tên cổ đông	Loại CP	Số cổ phần	Giá trị CP VND
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000



– Ông Võ Thanh Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
– Ông Trương Trọng Cử	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
– Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
Cộng		<u>11.802.000</u>	<u>118.020.000.000</u>



- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-057) 3824229

Fax : (84-057) 3823466

Mã số thuế : **4 4 0 0 1 2 3 1 6 2**

Email: info@thuanthao.vn

Website: <http://www.thuanthao.vn>

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: 358 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).



Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
– Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng Quản trị
– Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phó Chủ tịch
– Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên
– Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên
– Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
– Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
– Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên
– Bà Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
– Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Tổng Giám đốc
– Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc
– Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
– Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 28).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.



Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Tuy Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2013



Số: 0167/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013, từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 29 THÁNG 03 NĂM 2013

VĂN NAM HẢI – Phó Giám đốc
CHỨC VỤ KIỂM TOÁN VIÊN SỐ: 0832/KTV

LÊ QUỐC TUẤN - Kiểm toán viên
CHỨC VỤ KIỂM TOÁN VIÊN SỐ: 1558/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		505,120,807,903	286,242,369,818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		3,070,294,974	1,221,328,502
Tiền		111	VI.1	3,070,294,974	1,221,328,502
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		490,987,046,721	270,933,481,784
1. Phải thu khách hàng		131	VI.2	412,058,860,457	207,094,994,457
2. Trả trước cho người bán		132	VI.3	30,426,011,456	31,234,304,873
3. Các khoản phải thu khác		135	VI.4	48,502,174,808	32,604,182,454
IV. Hàng tồn kho		140		5,352,760,979	6,371,025,388
Hàng tồn kho		141	VI.5	5,352,760,979	6,371,025,388
				-	
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		5,710,705,229	7,716,534,144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	VI.6	5,110,755,480	6,932,426,704
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		116,183,583	32,763,785
3. Tài sản ngắn hạn khác		158	VI.7	483,766,166	751,343,655
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,051,792,930,525	1,114,932,002,905
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II. Tài sản cố định		220		947,772,499,780	987,161,768,317
1. Tài sản cố định hữu hình		221	VI.8	886,342,884,783	905,174,253,881
<i>Nguyên giá</i>		222		995,742,093,992	986,960,112,527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(109,399,209,209)	(81,785,858,646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	VI.9	59,586,602,245	73,947,990,273
<i>Nguyên giá</i>		225		84,309,367,472	95,041,349,078
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		(24,722,765,227)	(21,093,358,805)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	VI.10	1,843,012,752	8,039,524,163
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		104,020,430,745	127,770,234,588

1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	98,736,190,505	121,724,683,262
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	5,284,240,240	6,045,551,326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>1,556,913,738,428</u>	<u>1,401,174,372,723</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,107,634,431,848	953,010,953,692
I. Nợ ngắn hạn	310		399,017,427,683	278,426,030,024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	148,521,424,933	160,176,012,157
2. Phải trả người bán	312	VI.14	18,679,477,906	17,413,369,715
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	502,735,922	1,067,865,494
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	55,036,731,695	22,998,292,376
5. Phải trả người lao động	315	VI.17	4,704,415,457	3,210,190,029
6. Chi phí phải trả	316	VI.18	166,008,191,332	61,942,598,550
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	4,517,364,064	10,127,800,691
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	VI.20	1,047,086,374	1,489,901,012
II. Nợ dài hạn	330		708,617,004,165	674,584,923,668
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.21	23,349,335,583	24,333,661,583
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.22	685,267,668,582	649,774,414,485
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	476,847,600
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.23	449,279,306,580	448,163,419,031
I. Vốn chủ sở hữu	410		449,279,306,580	448,163,419,031
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		435,030,000,000	435,030,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9,022,107,363	8,820,270,056
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,506,140,934	2,450,075,015
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,721,058,283	1,863,073,960
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,556,913,738,428	1,401,174,372,723



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- <i>Dollar Mỹ (USD)</i>		-	-

Tỉnh Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2013

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠN
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		526,585,237,376	517,978,348,680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		593,780,386	735,815,391
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	295,946,300,857	276,016,574,064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và c.cấp d.vụ	20		230,045,156,133	241,225,959,225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	19,602,936	27,633,917
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	139,506,012,635	154,372,276,752
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>139,506,012,635</i>	<i>154,372,276,752</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	43,916,946,330	42,103,860,396
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	38,808,914,387	46,278,681,934
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,832,885,717	(1,501,225,940)
11. Thu nhập khác	31	VII.7	10,686,565,058	20,698,521,753
12. Chi phí khác	32	VII.8	7,068,595,765	16,832,424,450
13. Lợi nhuận khác	40		3,617,969,293	3,866,097,303
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,450,855,010	2,364,871,363
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	10,290,114,727	1,243,552,993
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1,160,740,283	1,121,318,370
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	27	26

Tỉnh Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2013

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ

Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		11,450,855,010	2,364,871,363
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		38,220,812,438	38,456,882,832
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,465,778,446	836,667,236
- Chi phí lãi vay	06		139,506,012,635	154,372,276,752
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		190,643,458,529	196,030,698,183
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(220,272,635,972)	(122,567,110,946)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,018,264,409	1,318,456,518
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		20,040,525,474	(7,141,113,641)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,249,352,944)	26,356,386,763
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6,081,354,746)	(92,437,010,422)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(92,991,047)	(16,760,355,406)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,129,140,842	1,049,524,600
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,466,404,372)	(3,961,789,700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(20,331,349,827)	(18,112,314,051)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7,736,025,294)	(18,518,488,221)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5,316,363,634	13,458,181,823
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		(2,419,661,660)	(5,060,306,398)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		265,845,767,456	473,474,880,982

- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(227,773,719,680)	(422,284,415,768)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(13,472,069,817)	(29,719,301,800)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(63,360,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24,599,977,959	21,407,803,414
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1,848,966,472	(1,764,817,035)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,221,328,502	2,986,145,537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3,070,294,974	1,221,328,502

Tỉnh Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2013

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
 Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch.
- **Ngành nghề kinh doanh** :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyên tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sản giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đầu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.



Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012 TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu



Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05



8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 5 năm.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

15. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	2.219.089.103	940.383.981
Tiền mặt tại VND	2.219.089.103	940.383.981
(b) Tiền gửi ngân hàng VND	843.969.871	273.944.512
- Ngân hàng Ngoại Thương	103.284.693	20.427.011
- Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	1.674.209	1.525.595
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	5.746.901	70.318.265
- Ngân hàng Công Thương	709.081.428	145.023.182
- Ngân hàng Đông Á	5.104.796	19.659.822
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	11.294.524	11.040.343
- Ngân hàng VPBank	526.792	802.099
- Ngân hàng Sacombank	2.848.001	2.167.612
- Ngân hàng Á Châu	4.408.527	2.980.583
(c) Tiền đang chuyển	7.236.000	7.000.009
Tiền đang chuyển VND	7.236.000	7.000.009
Cộng	3.070.294.974	1.221.328.502



2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khách hàng bộ phận suga	81.908.856	58.762.500
- Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	682.458.000	597.840.000
- Bộ phận xe khách Tuy Hoà	318.109.664	115.090.439
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	239.482.620	66.970.258
- Bộ phận vận tải hành khách Quy Nhơn	12.517.000	-
- Khách hàng khách sạn CenDeluxe	152.696.468	703.171.950
- Phải thu khách hàng bộ phận Taxi	6.577.460	2.971.000
- Công ty TNHH CHC	2.899.117.492	35.931.447.766
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	407.123.909.091	168.650.000.000
- Các khách hàng khác	542.083.806	968.740.544
Cộng	<u>412.058.860.457</u>	<u>207.094.994.457</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH XD XL Thế Minh	145.751.465	145.751.465
- Ứng tiền mua đất tại Tp.HCM	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Hoàng Đạo	-	418.559.856
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	55.379.991	52.880.000
- Các khách hàng khác	224.880.000	617.113.552
Cộng	<u>30.426.011.456</u>	<u>31.234.304.873</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Chi phí đền bù đất	4.878.780.981	6.045.783.726
- Bộ phận xe khách Quy Nhơn	-	11.000.000
- Bộ phận khách sạn CenDeluxe	4.695.698.288	4.687.901.455
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	70.584.005	59.399.005
- Công ty TNHH CHC	37.038.521.665	8.558.175.517
- Chương trình Hoa hậu trái đất chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	-	3.764.491.081
- Sao mai điểm hẹn chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	-	1.621.242.310
- Chương trình Duyên dáng Việt Nam 23 chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	-	5.805.676.670
- Các khoản khác	1.019.633.869	1.251.556.690
Cộng	<u>48.502.174.808</u>	<u>32.604.182.454</u>



5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	2.062.606.897	2.478.038.073
Công cụ dụng cụ	179.224.365	400.497.815
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.490.070	2.346.451
Thành phẩm	327.965.710	322.070.487
Hàng hóa	2.780.473.937	3.168.072.562
Cộng	<u>5.352.760.979</u>	<u>6.371.025.388</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Số đầu năm		6.932.426.704
- Tăng trong năm	21.267.785.208	
- Kết chuyển chi phí trong năm	19.938.045.370	
- Giảm khác trong năm	3.151.411.062	
Số cuối năm	<u>5.110.755.480</u>	

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ông Lê Ngọc Hữu	3.664.000	10.157.300
- Tạm ứng bộ phận khách sạn	49.193.712	90.370.618
- Tạm ứng bộ phận Qui Nhơn	10.800.000	6.700.000
- Bà Võ Thị Thanh	-	122.408.920
- Tạm ứng bộ phận Sài Gòn	100.420.958	106.226.942
- Ông Tô Kỳ Hỷ	39.000.000	12.000.000
- Ông Lê Minh Hùng	-	32.718.000
- Phan Phú Thịnh	15.712.500	90.597.500
- Nguyễn Thị Minh Tâm	-	17.800.000
- Các nhân viên khác	264.974.996	262.364.375
Cộng	<u>483.766.166</u>	<u>751.343.655</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng TSCĐ hữu hình</u>
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	882.327.626.803	6.732.745.477	54.671.520.709	10.545.072.757	32.683.146.781	986.960.112.527
2. Tăng trong năm	7.129.109.585	2.937.918.227	12.317.256.186	-	157.895.000	22.542.178.998
- Xây dựng mới	7.129.109.585	-	-	-	-	7.129.109.585
- Mua sắm mới	-	325.125.574	4.198.067.233	-	129.200.000	4.652.392.807
- Nhận quyền sở hữu từ tài sản cho thuê tài chính	-	2.612.792.653	8.119.188.953	-	-	10.731.981.606
- Tăng khác	-	-	-	-	28.695.000	28.695.000



Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
3. Giảm trong năm	-	-	13.760.197.533	-	-	13.760.197.533
- Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	13.760.197.533	-	-	13.760.197.533
4. Số cuối năm	889.456.736.388	9.670.663.704	53.228.579.362	10.545.072.757	32.841.041.781	995.742.093.992
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	51.422.216.591	3.058.350.642	14.694.415.167	3.033.269.770	9.577.606.476	81.785.858.646
2. Tăng trong năm	18.147.487.996	2.200.683.586	8.801.897.786	1.135.097.375	4.406.964.852	34.692.131.595
- Khấu hao trong năm	18.147.487.996	829.214.865	4.756.075.478	1.135.097.375	4.406.964.852	29.274.840.566
- Nhận khấu hao từ tài sản thuê tài chính	-	1.371.468.721	4.045.822.308	-	-	5.417.291.029
3. Giảm trong kỳ	99.068.539	-	6.978.055.453	456.036	1.201.004	7.078.781.032
- Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	6.978.055.453	-	-	6.978.055.453
- Giảm khác	99.068.539	-	-	456.036	1.201.004	100.725.579
4. Số cuối năm	69.470.636.048	5.259.034.228	16.518.257.500	4.167.911.109	13.983.370.324	109.399.209.209
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	830.905.410.212	3.674.394.835	39.977.105.542	7.511.802.987	23.105.540.305	905.174.253.881
2. Số cuối năm	819.986.100.340	4.411.629.476	36.710.321.862	6.377.161.648	18.857.671.457	886.342.884.783

- Toàn bộ Giá trị của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	666.666.667	87.011.739.309	7.362.943.102	95.041.349.078
2. Tăng trong năm	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	8.119.188.953	2.612.792.653	10.731.981.606
Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang tài sản cố định	-	8.119.188.953	2.612.792.653	10.731.981.606
4. Số cuối năm	666.666.667	78.892.550.356	4.750.150.449	84.309.367.472
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	187.693.137	16.776.404.423	4.129.261.245	21.093.358.805
2. Tăng trong năm	83.340.828	8.353.443.024	609.913.599	9.046.697.451
Khấu hao trong năm	83.340.828	8.353.443.024	609.913.599	9.046.697.451
3. Giảm trong năm	-	4.045.822.308	1.371.468.721	5.417.291.029
Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang tài sản cố định	-	4.045.822.308	1.371.468.721	5.417.291.029
4. Số cuối năm	271.033.965	21.084.025.139	3.367.706.123	24.722.765.227
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	478.973.530	70.235.334.886	3.233.681.857	73.947.990.273
2. Số cuối năm	395.632.702	57.808.525.217	1.382.444.326	59.586.602.245

10. Xây dựng cơ bản dở dang



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình Nhà Rôbison	-	4.675.872.737
- Sửa chữa tài sản cố định	1.843.012.752	3.363.651.426
Cộng	<u>1.843.012.752</u>	<u>8.039.524.163</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm		121.724.683.262
- Tăng trong năm	31.688.381.621	
- Kết chuyển chi phí trong năm	54.676.874.378	
Số cuối năm	<u>98.736.190.505</u>	

12. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản quỹ ký cược dài hạn thuê tài chính	5.284.240.240	6.045.551.326
Cộng	<u>5.284.240.240</u>	<u>6.045.551.326</u>

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	85.062.801.746	112.295.755.830	112.382.132.121	84.976.425.455
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	71.982.730.823	58.100.753.532	70.083.484.395	59.999.999.960
- Vay cá nhân	3.130.479.588	3.166.623.094	2.752.103.164	3.544.999.518
Cộng	<u>160.176.012.157</u>	<u>173.563.132.456</u>	<u>185.217.719.680</u>	<u>148.521.424.933</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cửa hàng xăng dầu Hiệp Thành Phát	3.734.330.570	590.753.310
Công ty VTTT Phú Yên - Xăng dầu dầu khí Phú Yên	2.138.789.790	1.409.883.620
Công ty dầu ăn GOLDEN HOPE -Nhà bè	1.499.921.445	1.326.625.718
Bộ phận khách sạn CenDeluxe	1.489.862.744	1.116.037.437
Chi Nhánh Công ty TNHH VT & SC ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	1.436.910.740	1.503.566.430
Công ty TNHH CKL Việt Nam	1.213.783.954	436.370.300
Công ty TNHH Miwon Việt Nam	980.401.803	-
DNTN TM Kim Phúc	853.036.512	495.412.143
Chi Nhánh Công ty TNHH VT & SC ô tô Phát Tường (Ninh Thuận)	628.640.460	-
Hoàng Phương - Bộ phận Sinh thái	303.147.398	254.462.295
Chi Nhánh Điện Tuy Hòa	266.824.933	-
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	250.019.138	302.297.634
Dầu Phú Thành	242.581.590	2.674.241.250
Các đối tượng khác	3.641.226.829	7.303.719.578



Cộng	18.679.477.906	17.413.369.715
-------------	-----------------------	-----------------------

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vận tải hành khách Sài Gòn	234.758.939	560.861.987
- Vận tải hành khách Quy Nhơn	-	324.612.073
- Chi nhánh khách sạn Cendeluxe	74.193.534	53.859.934
- Các khách hàng khác	193.783.449	128.531.500
Cộng	502.735.922	1.067.865.494

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT	21.590.496.717	28.108.720.495	6.790.476.133	42.908.741.079
Thuế thu nhập cá nhân	212.951.108	827.581.506	613.035.649	427.496.965
Thuế TNDN	1.077.904.289	10.290.114.727	92.991.047	11.275.027.969
Thuế tiêu thụ đặc biệt	116.940.262	661.547.285	353.021.865	425.465.682
Cộng	22.998.292.376	39.887.964.013	7.849.524.694	55.036.731.695

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.12)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương còn phải trả người lao động	4.704.415.457	3.210.190.029
Cộng	4.704.415.457	3.210.190.029

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	166.008.191.332	61.942.598.550
Cộng	166.008.191.332	61.942.598.550



19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm thất nghiệp	265.799.479	237.267.179
Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	27.161.236	101.057.534
Bộ phận vận tải hành khách Quy Nhơn	-	20.898.364
Bộ phận Khách sạn CenDeluxe	-	10.006.585
Kinh phí công đoàn	35.481.563	47.039.863
Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.476.130.565
Hàng gửi	1.000.999.000	1.592.443.000
Ông Nguyễn Văn Chánh	-	217.500.000
Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
Các khoản khác	1.054.012.221	5.767.677.601
Cộng	<u>4.517.364.064</u>	<u>10.127.800.691</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.047.086.374	1.489.901.012
Cộng	<u>1.047.086.374</u>	<u>1.489.901.012</u>

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ nhân viên	9.695.678.875	10.245.704.875
Bà Võ Thị Thanh	11.670.136.708	11.670.136.708
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	661.270.000	661.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	764.900.000
Bà Võ Thanh Minh Hằng	330.550.000	330.550.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
Cộng	<u>23.349.335.583</u>	<u>24.333.661.583</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	504.097.734.507	39.500.000.000	-	543.597.734.507
- Vay ngân hàng Công Thương	700.000.000	-	700.000.000	-
- Vay ngân hàng VP Bank	1.513.000.000	-	356.000.000	1.157.000.000
- Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	39.500.000.000	-	39.500.000.000	-
- Nợ thuê tài chính	58.620.219.657	-	14.233.380.903	44.386.838.754
- Vay cá nhân	45.343.460.321	52.782.635.000	2.000.000.000	96.126.095.321
Cộng	<u>649.774.414.485</u>	<u>92.282.635.000</u>	<u>56.789.380.903</u>	<u>685.267.668.582</u>



23. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	741.755.590	447.042.100.661
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.121.318.370	1.121.318.370
Số dư cuối năm trước	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	1.863.073.960	448.163.419.031
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	1.863.073.960	448.163.419.031
Trích lập quỹ	-	201.837.307	56.065.919	-302.755.960	-44.852.734
Lỗ trong năm	-	-	-	1.160.740.283	1.160.740.283
Số dư cuối năm	435.030.000.000	9.022.107.363	2.506.140.934	2.721.058.283	449.279.306.580

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.		

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.585.237.376	517.978.348.680
- Khoản giảm trừ doanh thu	593.780.386	735.815.391
Doanh thu thuần	525.991.456.990	517.242.533.289

2. Giá vốn hàng bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	295.946.300.857	276.016.574.064
Cộng	295.946.300.857	276.016.574.064



3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	19.602.936	27.633.917
Cộng	<u>19.602.936</u>	<u>27.633.917</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả lãi vay	139.506.012.635	154.372.276.752
Cộng	<u>139.506.012.635</u>	<u>154.372.276.752</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.827.766.500	1.503.423.600
- Chi phí công cụ dụng cụ, bao bì	20.946.921.687	19.307.627.760
- Chi phí khấu hao	14.549.577.657	14.306.323.786
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.467.350	1.806.314.469
- Chi phí khác bằng tiền	4.546.213.136	5.180.170.781
Cộng	<u>43.916.946.330</u>	<u>42.103.860.396</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	16.643.041.270	16.243.305.893
- Chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng	7.319.314.768	12.050.621.537
- Khấu hao TSCĐ	10.869.305.499	11.007.256.430
- Thuế, phí lệ phí	817.339.891	400.807.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.423.588.580	1.216.973.061
- Chi phí khác bằng tiền	1.736.324.379	5.359.718.013
Cộng	<u>38.808.914.387</u>	<u>46.278.681.934</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thu thanh lý TSCĐ	5.316.363.634	13.458.181.823
- Thu tiền phạt	527.574.709	-
- Các khoản khác	4.842.626.715	7.240.339.930
Cộng	<u>10.686.565.058</u>	<u>20.698.521.753</u>

8. Chi phí khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí khác	286.453.685	2.549.242.058
- Giá trị còn lại tài sản thanh lý	6.782.142.080	14.283.182.392
Cộng	<u>7.068.595.765</u>	<u>16.832.424.450</u>



9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.450.855.010	2.364.871.363
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	29.709.603.899	2.609.340.607
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Thu nhập chịu thuế	41.160.458.909	4.974.211.970
- Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>10.290.114.727</u>	<u>1.243.552.993</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.160.740.283	1.121.318.370
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.160.740.283	1.121.318.370
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	43.503.000	43.503.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>27</u>	<u>26</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	43.503.000	43.503.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>43.503.000</u>	<u>43.503.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của các bên liên quan với Công ty phát sinh trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền</u>
Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng quản trị - Cổ đông sáng lập	Cho Công ty mượn tiền	52.782.635.000
		Công ty trả lại tiền mượn	2.000.000.000
Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bà Võ Thị Thanh là chủ tịch HĐQT	Số tiền dịch vụ phải thu trong năm	240.373.909.091
		Số tiền đã thanh toán cho Công ty trong năm	1.900.000.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Cổ đông	Công ty trả tiền mượn	1.228.100.000
		Công ty mượn tiền	793.800.000



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Phải trả			
Bà Võ Thị Thanh	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	11.670.136.708
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	661.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.600.000
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.550.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.550.000
Ông Trương Trọng Cử	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.550.000
Bà Võ Thị Thanh	Cổ đông sáng lập	Cho Công ty mượn tiền	96.126.095.321
Phải thu			
Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bà Võ Thị Thanh là Chủ tịch HĐQT	Nợ tiền dịch vụ	407.123.909.091

Tiền lương và thù lao của các thành viên quản lý Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	162.000.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Tổng Giám đốc	Lương + Thù lao	773.724.000
Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng GD	Lương + Thù lao	178.016.000
Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng	Lương + Thù lao	91.035.000
Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng BKS	Lương + Thù lao	99.196.000
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	47.225.000
Nguyễn Thị Lệ Quyên	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	34.993.000

2. Thông tin về bộ phận

Chỉ tiêu	Bộ phận văn phòng	Bộ phận chi nhánh khách sạn Cendeluxe	Bộ phận chi nhánh Tp.HCM	Bộ phận chi nhánh Quy Nhơn	Tổng cộng
A- Kết quả					
1. Doanh thu	431.588.117.909	13.025.381.816	73.212.951.431	8.165.005.834	525.991.456.990
2. Chi phí	221.442.205.617	11.984.945.640	51.157.870.074	11.361.279.526	295.946.300.857
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.145.912.292	1.040.436.176	22.055.081.357	-3.196.273.692	230.045.156.133
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	1.226.139.585.242	329.126.317.297	1.407.118.206	240.717.683	1.556.913.738.428
C- Nợ phải trả của bộ phận	1.104.782.274.291	1.818.895.237	1.033.262.320	-	1.107.634.431.848
D- Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	22.513.483.998	-	-	-	22.513.483.998

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông



Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.070.294.974	1.221.328.502
Phải thu khách hàng	412.058.860.457	207.094.994.457
Phải thu khác	48.502.174.808	32.604.182.454
Cộng	463.631.330.239	240.920.505.413
Công nợ tài chính		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	148.521.424.933	160.176.012.157
Phải trả người bán	18.679.477.906	17.413.369.715
Phải trả khác	4.517.364.064	10.127.800.691
Vay và nợ dài hạn	685.267.668.582	649.774.414.485
Cộng	856.985.935.485	837.491.597.048

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hoạt động tập trung ở lĩnh vực dịch vụ vận tải, dịch vụ nhà hàng khách sạn, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính



Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	148.521.424.933		148.521.424.933
Phải trả người bán	18.679.477.906		18.679.477.906
Phải trả khác	4.517.364.064		4.517.364.064
Vay và nợ dài hạn		685.267.668.582	685.267.668.582
Cộng	171.718.266.903	685.267.668.582	856.985.935.485
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	160.176.012.157		160.176.012.157
Phải trả người bán	17.413.369.715		17.413.369.715
Phải trả khác	10.127.800.691		10.127.800.691
Vay và nợ dài hạn		649.774.414.485	649.774.414.485
Cộng	187.717.182.563	649.774.414.485	837.491.597.048

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.070.294.974			3.070.294.974
Phải thu khách hàng	412.058.860.457			412.058.860.457
Phải thu khác	48.502.174.808			48.502.174.808
Cộng	463.631.330.239			463.631.330.239
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.328.502			1.221.328.502
Phải thu khách hàng	207.094.994.457			207.094.994.457
Phải thu khác	32.604.182.454			32.604.182.454
Cộng	240.920.505.413			240.920.505.413

Tỉnh Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2013

VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng

